

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 528/2022/HNGĐ - ST  
Ngày: 05 – 5 – 2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ung Quang Định

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ  
2. Bà Phạm Thị Tú Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **152/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021** về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Mỹ T**, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh **Lê Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1980

Đồng địa chỉ: 48 Huỳnh Thúc K, Tp. Q, tỉnh B.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Lê Thị Mỹ T** trình bày:*

Chị với anh **Lê Nguyễn Ngọc L** tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện T, tỉnh B vào ngày 11/9/2003**. Sau khi cưới hai bên sống chung tại số nhà 48 Huỳnh Thúc K, Tp. Q. Sau 18 năm chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống của hai bên không hợp và trái chiều về cách sống.

Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hai bên đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được nữa, đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Do đó, chị yêu cầu ly hôn anh L để ổn định cuộc sống hai bên cũng như không ảnh hưởng xấu đến các con.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu **Lê Nguyễn Ngọc Ánh L, sinh ngày 16/5/2013** và cháu **Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 30/7/2020**, sức khỏe các cháu bình thường, hiện đang ở với chị từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 cháu L và A; chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

*Bị đơn anh **Lê Nguyễn Ngọc L***: Tòa đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh **L** không đến Tòa làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Mỹ T** được ly hôn anh **Lê Nguyễn Ngọc L**.

- Giao chị **Lê Thị Mỹ T** được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu **Lê Nguyễn Ngọc Ánh L, sinh ngày 16/5/2013** và cháu **Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 30/7/2020**.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Lê Thị Mỹ T** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh **Lê Nguyễn Ngọc L**, trú tại địa chỉ: 48 Huỳnh Thúc K, Tp. Q, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

- Đối với nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị **Lê Thị Mỹ T** có đơn xin xét xử vắng mặt; xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ anh **Lê Nguyễn Ngọc L** để làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **bị đơn theo quy định**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Mỹ T** và anh **Lê Nguyễn Ngọc L** cưới và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện T, tỉnh B vào ngày 11/9/2003** trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T trình bày, quá trình chung sống từ sau khi cưới cho đến nay hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống của hai bên không hợp và trái chiều về cách sống. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên hai bên sống ly thân. Từ khi ly thân vợ chồng không gặp, không liên lạc và mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống riêng vì hai bên không còn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị T và anh L sống ly thân trong thời gian dài, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ **anh L** đến Tòa làm việc và hòa giải nhưng anh L không đến Tòa chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị T yêu

cầu ly hôn anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh L có 02 con chung là cháu **Lê Nguyễn Ngọc Ánh L, sinh ngày 16/5/2013** và cháu **Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 30/7/2020**; các cháu đang ở với chị T, sức khỏe bình thường. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi các cháu L và cháu A. Xét thấy: Hiện tại cháu L và cháu A còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Trong quá trình chung sống và sau khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu L và cháu Anh; hơn nữa chị T có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Do đó, để phát triển một cách toàn diện về mọi mặt nên giao cháu L và cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lê Thị Mỹ T** không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị **Lê Thị Mỹ T** không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **Lê Thị Mỹ T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Mỹ T** được ly hôn anh **Lê Nguyễn Ngọc L**.
2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu **Lê Nguyễn Ngọc Ánh L**, sinh ngày 16/5/2013 và cháu **Lê Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 30/7/2020 cho chị **Lê Thị Mỹ T** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lê Thị Mỹ T** không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.*

3. Về tài sản chung: Chị **Lê Thị Mỹ T** không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Lê Thị Mỹ T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003071 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND xã P, Huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Ung Quang Định**

